

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Số: 45

Doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

Địa chỉ: Tầng 18 và 19, Số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa – TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 38513205

Fax: 024 38513207

Email: plc@petrolimex.com.vn

CÔNG BỐ:

- Tiêu chuẩn: **TCCS 45:2019/PLC**
DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ TALUSIA HR 70
- Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa:
Dầu nhờn động cơ 2 thì tốc độ thấp **TALUSIA HR 70.**

Mã số: 2710

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



[Handwritten Signature]
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Tuấn



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 45:2019/PLC

DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ TALUSIA HR 70 - YÊU CẦU KỸ THUẬT

Hà Nội – 2019

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	2



LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn dầu nhờn động cơ **TALUSIA HR 70** số hiệu: TCCS 45:2019/PLC do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (PLC) biên soạn và ban hành.

Đây là sản phẩm được sản xuất theo Hợp đồng thành viên dầu nhờn ký kết giữa Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP và Hãng dầu nhờn Total Lubmarine.



PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY
HOÁ DẦU PETROLIMEX

DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ
TALUSIA 70

TCCS 45:2019/PLC

Lần soát xét: 05

Ngày hiệu lực: 08/08/2019

DẦU XYLANH TALUSIA HR 70 – YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. **Phạm vi áp dụng:** Tiêu chuẩn này áp dụng cho dầu nhờn động cơ **TALUSIA HR 70** do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) sản xuất, được sử dụng cho các động cơ 2 thì tốc độ thấp của các loại tàu biển.

Ghi chú: Tiêu chuẩn cơ sở này thay thế cho các tiêu chuẩn cơ sở phiên bản trước đây của sản phẩm Talusia HR 70.

2. Tiêu chuẩn trích dẫn:

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1.	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt động học
2.	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt
3.	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ bắt cháy cốc hồ
4.	ASTM D97	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
5.	ASTM D95	Phương pháp thử xác định Hàm lượng nước
6.	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
7.	ASTM D2896	Phương pháp thử xác định Trị số kiềm tổng (TBN)
8.	ASTM D4951	Phương pháp thử xác định Tổng hàm lượng kim loại
9.	ASTM D130	Phương pháp thử xác định khả năng ăn mòn tấm đồng
10.	ASTM D4055	Phương pháp thử xác định hàm lượng cặn pentan
11.	ASTM D874	Phương pháp thử xác định hàm lượng tro sunphat
12.	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công
13.	QCVN14:2018/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong
14.	Nghị định 43//2017/NĐ-CP	Nghị định về nhãn hàng hóa
15.	Thông tư 21/2007/TT-BKHCN	Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn

3. Yêu cầu kỹ thuật:

- 3.1 Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu chất lượng cho dầu **TALUSIA HR 70** có cấp độ nhớt SAE: 50.

3.2 Yêu cầu về nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: Gốc dầu mỏ.

- Phụ gia: Phụ gia cho dầu động cơ đảm bảo phù hợp các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường và không gây hỏng cho động cơ cũng như hệ thống tồn trữ, bảo quản, vận chuyển và phân phối sản phẩm.

3.3 Các chỉ tiêu chất lượng của dầu nhớt động cơ 2 thì tốc độ thấp **TALUSIA HR 70**:

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TALUSIA HR 70
1. Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	18,5÷20
2. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	95
3. Nhiệt độ chớp cháy, °C, min	ASTM D92	230
4. Nhiệt độ đông đặc, °C, max	ASTM D97	-6
5. Hàm lượng nước, % TT, max	ASTM D95	0,1
6. Đặc tính tạo bọt, ml, max	ASTM D892	
- SEQ I:		500/20
- SEQ II:		250/20
7. TBN, mg KOH/g, min	ASTM D2896	67,5÷72
8. Tổng hàm lượng kim loại (Ca, Mg, Zn), % KL	ASTM D4951	
- Ca		2,43÷2,8
9. Hàm lượng tro sunphat, %KL, max	ASTM D874	12

Trên đây là các số liệu tiêu biểu thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là thông số kỹ thuật cố định.

3.4 Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D4057).

4. Thông tin bổ sung:

4.1 Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2018/PLC.

4.2 Bao gói: Dầu nhớt động cơ 2 thì tốc độ thấp **TALUSIA HR 70** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Phuy 205 lít.

5. Các yêu cầu khác:

5.1 Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hoá.